TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 /10/2023.
V/v tranh chấp ly hôn
giữa chị Tr và anh T1.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thái Hùng

2. Ông Trương Văn Săng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B *tham gia phiên toà:* Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXXST -HN ngày 25 tháng 09 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Châu Thị Thu Tr, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 14, xã T, huyện Tr, tỉnh E.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn đề ngày 23/02/2023, bản tự khai ngày 05/05/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Châu Thị Thu Tr trình bày:

Chị và anh T1 cưới nhau vào năm 2014 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hào vào ngày 03/10/2014. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 9/ 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất do anh T1 nhiều lần cờ bạc , không chăm lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Châu Bảo Ng , sinh ngày 24/04/2016 và Phạm Châu Bảo V, sinh ngày 13/06/2018. Hiện nay 02 con chung đang sống với chị Tr. Sau ly hôn chị Tr yêu cầu nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: chị Tr khai không có.

* Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai cho bị đơn anh Phạm Văn T1 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Phạm Văn T1.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:*

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên thẩm phán còn vi phạm thời hạn tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chị Châu Thị Thu Tr có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn T1 vắng mặt không có lý do vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72,73 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên các vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên đề nghị khắc phục.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu Thị Thu Tr đối với anh Phạm Văn T1.

Về con chung: chị Châu Thị Thu Tr được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phạm Châu Bảo Ng, sinh ngày 24/04/2016 và Phạm Châu Bảo V, sinh ngày 13/06/2018.

Ghi nhận việc chị Châu Thị Thu Tr tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Tr khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B. Chị Châu Thị Thu Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn T1 triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Châu Thị Thu Tr và anh Phạm Văn T1 kết hôn vào năm 2014, được Ủy ban nhân dân xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh T1và chị Tr thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do anh T1 nhiều lần cờ bạc, không chăm lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng thường hay cãi nhau, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2020 cho đến nay. Tòa án đã tống đạt đến lần thứ hai nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Tr, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu Thị Thu Tr và anh Phạm Văn T1 là phù hợp Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Châu Bảo Ng, sinh ngày 24/04/2016 và Phạm Châu Bảo V, sinh ngày 13/06/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay 02 con chung sống với chị Tr, đồng thời cháu Bảo Ng có nguyện vọng sống chung với chị Tr nên để đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung, cần giao con chung cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận chị Tr nuôi con không có yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: chị Tr khai không có nên không xét đến.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Tr phải chịu án phí là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp theo biên lai thu số 0002165 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 51, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu Thị Thu Tr đối với anh Phạm Văn T1.

Quan hệ hôn nhân của chị Châu Thị Thu Tr và anh Phạm Văn T1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Châu Thị Thu Tr được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Châu Bảo Ng, sinh ngày 24/04/2016 và Phạm Châu Bảo V, sinh ngày 13/06/2018.

Ghi nhận việc Châu Thị Thu Tr không yêu cầu anh Phạm Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn T1 không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Chị Châu Thị Thu Tr trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T1trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Châu Thị Thu Tr khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị Châu Thị Thu Tr khai không có nên không xét đến.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Châu Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng nhưng dược khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp theo biên lai thu số 0002165 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E. Chị Châu Thị Thu Tr đã nộp đủ án phí.

Chị Chị Châu Thị Thu Tr, anh Phạm Văn T1 vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh E;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- UBND xã T.
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương